

**PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026–2030**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Đức Minh)

| STT | Nhóm                 | Chỉ tiêu                                                        | Mức/<br>đơn vị | 2026     | 2027     | 2028     | 2029     | 2030             | Chủ trì         |
|-----|----------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------|----------|----------|----------|----------|------------------|-----------------|
| 1   | Quản lý sức khỏe     | Người dân được lập/cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử              | Theo lộ trình  | 70%      | 80%      | 90%      | 95%      | 100%             | TYT             |
| 2   | Y tế cơ sở           | Duy trì, hoàn thiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã             | Rà soát        | Duy trì  | Duy trì  | Duy trì  | Duy trì  | Duy trì          | UBND xã, TYT    |
| 3   | Bệnh không lây nhiễm | TYT triển khai dự phòng, quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm | 100%           | 100%     | 100%     | 100%     | 100%     | 100%             | TYT             |
| 4   | Phòng chống dịch     | Tiêm chủng đầy đủ cho đối tượng thuộc chương trình              | ≥95%           | ≥95%     | ≥95%     | ≥95%     | ≥95%     | ≥95%             | TYT             |
| 5   | Dinh dưỡng           | Suy dinh dưỡng thấp còi trẻ dưới 5 tuổi                         | Giảm dần       | 9,5%     | 9,4%     | 9,2%     | 9,1%     | ≤9%              | TYT             |
| 6   | Dân số               | Tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn                             | 60%            | 70%      | 80%      | 85%      | 90%      | 95%              | TYT             |
| 7   | Dân số               | Phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh                       | 80%            | 80%%     | 80,5%    | 90%      | 90,5%    | 100%             | TYT             |
| 8   | Dân số               | Trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh                               | 70%            | 75%      | 80%      | 85%      | 90%      | 100%             | TYT             |
| 9   | Giới tính khi sinh   | Kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh                              | ≤106           | ≤106     | ≤106     | ≤106     | ≤106     | ≤106             | TYT             |
| 10  | Người cao tuổi       | Người cao tuổi được khám/quản lý sức khỏe                       | 70%            | 75%      | 80%      | 85%      | 90%      | 90%              | TYT             |
| 11  | PHCN cộng đồng       | Người khuyết tật có nhu cầu được quản lý, tư vấn PHCN           | 80%            | 85%      | 90%      | 95%      | 95%      | 100%             | TYT/PHÒNG VHXXH |
| 12  | Chăm sóc xã hội      | Người dễ bị tổn thương được rà soát, kết nối dịch vụ            | Tăng dần       | Tăng dần | Tăng dần | Tăng dần | Tăng dần | Theo chỉ tiêu CT | TYT/PHÒNG VHXXH |
| 13  | Truyền thông         | Thôn có hoạt động truyền thông y tế/dân số hằng năm             | 10/10          | 10/10    | 10/10    | 10/10    | 10/10    | 10/10            | TYT/THÔN        |
| 14  | Giám sát             | Đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện                             | Hằng năm       | Hằng năm | Hằng năm | Sơ kết   | Rà soát  | Tổng kết         | TYT/UBND XÃ     |

**PHỤ LỤC 2.1****DỰ ÁN 1: NÂNG CAO NĂNG LỰC MẠNG LƯỚI Y TẾ CƠ SỞ**

| STT | Tiểu dự án | Nội dung cụ thể                                                                                      | Thời gian | Chủ trì      | Phối hợp           | Kết quả/Sản phẩm                     |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--------------------|--------------------------------------|
| 1   | 1          | Rà soát hiện trạng cơ sở vật chất, phòng chức năng, điện, nước, vệ sinh, kho thuốc                   | 2026–2030 | Trạm Y tế    | UBND xã            | Danh mục nhu cầu đầu tư              |
| 2   | 1          | Đề xuất bổ sung, thay thế thiết bị thiết yếu phục vụ khám chữa bệnh, cấp cứu, xét nghiệm, tiêm chủng | 2026–2030 | Trạm Y tế    | UBND xã, cấp trên  | Thiết bị được bổ sung theo nguồn lực |
| 3   | 2          | Xây dựng kế hoạch đào tạo, cập nhật chuyên môn theo vị trí việc làm                                  | Hàng năm  | Trạm Y tế    | Tuyển trên         | Nhân viên được bồi dưỡng             |
| 4   | 2          | Đề xuất đào tạo, bồi dưỡng bác sĩ và nhân lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu y tế cơ sở                  | 2026–2030 | UBND xã, TYT | Cơ quan chuyên môn | Nhân lực phù hợp lộ trình            |
| 5   | 3          | Đổi mới tiếp đón, khám, tư vấn, quản lý bệnh mạn tính và chuyển tuyến                                | 2026–2030 | Trạm Y tế    | Đơn vị liên quan   | Nâng chất lượng phục vụ              |
| 6   | 3          | Tổ chức khám sàng lọc, tư vấn sức khỏe cho nhóm nguy cơ                                              | Hàng năm  | Trạm Y tế    | 10 thôn, đoàn thể  | Phát hiện sớm nguy cơ                |
| 7   | 4          | Cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử, chuẩn hóa dữ liệu                                                   | 2026–2030 | Trạm Y tế    | Bộ phận liên quan  | Tăng tỷ lệ quản lý                   |
| 8   | 4          | Ứng dụng CNTT trong báo cáo, theo dõi tiêm chủng, bệnh mạn tính và truyền thông                      | 2026–2030 | Trạm Y tế    | UBND xã            | Nâng hiệu quả quản lý                |

**PHỤ LỤC 2.2****DỰ ÁN 2: NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỆ THỐNG PHÒNG BỆNH VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE**

| STT | Tiểu dự án | Nội dung cụ thể                                                          | Thời gian    | Chủ trì   | Phối hợp         | Kết quả/Sản phẩm             |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------|------------------|------------------------------|
| 1   | 2          | Giám sát dịch bệnh; phát hiện, báo cáo, xử lý ổ dịch                     | Thường xuyên | Trạm Y tế | 10 thôn          | Không để dịch lớn xảy ra     |
| 2   | 2          | Tổ chức tiêm chủng thường xuyên, tiêm vét, quản lý đối tượng             | Hằng năm     | Trạm Y tế | Thôn, trường học | Đạt chỉ tiêu giao            |
| 3   | 2          | Chuẩn bị thuốc, hóa chất, vật tư thiết yếu phòng chống dịch              | Hằng năm     | Trạm Y tế | UBND xã          | Sẵn sàng đáp ứng             |
| 4   | 2          | Truyền thông vệ sinh, môi trường, an toàn thực phẩm, phòng dịch theo mùa | Hằng năm     | Trạm Y tế | Đoàn thể, thôn   | 10/10 thôn được truyền thông |
| 5   | 3          | Khám sàng lọc tăng huyết áp, đái tháo đường và yếu tố nguy cơ            | Hằng năm     | Trạm Y tế | Đoàn thể         | Phát hiện sớm                |
| 6   | 3          | Quản lý, theo dõi, tư vấn điều trị bệnh không lây nhiễm                  | Thường xuyên | Trạm Y tế | Tuyến trên       | Người bệnh được quản lý      |
| 7   | 3          | Phối hợp chăm sóc sức khỏe học đường, dinh dưỡng, thị lực, răng miệng    | Hằng năm     | Trạm Y tế | Trường học       | Hoạt động định kỳ            |
| 8   | 3          | Tư vấn dinh dưỡng hợp lý, nuôi con bằng sữa mẹ, phòng suy dinh dưỡng     | Hằng năm     | Trạm Y tế | Thôn, trường học | Cải thiện dinh dưỡng         |
| 9   | 3          | Truyền thông phòng chống tác hại thuốc lá, rượu bia, ít vận động         | Hằng năm     | Trạm Y tế | Đoàn thể         | Thay đổi hành vi             |

### PHỤ LỤC 2.3

#### DỰ ÁN 3: DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

| STT | Tiêu đề dự án | Nội dung cụ thể                                                | Thời gian    | Chủ trì   | Phối hợp          | Kết quả/Sản phẩm             |
|-----|---------------|----------------------------------------------------------------|--------------|-----------|-------------------|------------------------------|
| 1   | 1             | Truyền thông sinh đủ hai con, gia đình khỏe mạnh               | Hằng năm     | Trạm Y tế | TT DVTH, đoàn thể | Người dân tiếp cận thông tin |
| 2   | 1             | Tư vấn sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình phù hợp        | Thường xuyên | Trạm Y tế | CTV               | Nhu cầu được đáp ứng         |
| 3   | 2             | Truyền thông bình đẳng giới, không lựa chọn giới tính thai nhi | Hằng năm     | Trạm Y tế | TT DVTH, đoàn thể | Giảm mất cân bằng            |
| 4   | 2             | Theo dõi số liệu giới tính khi sinh, truyền thông nhóm nguy cơ | Hằng năm     | Trạm Y tế | 10 thôn           | Kiểm soát chỉ số             |
| 5   | 3             | Tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn                            | 2026–2030    | Trạm Y tế | Đoàn Thanh niên   | Đạt 90% năm 2030             |
| 6   | 3             | Tư vấn, tổ chức sàng lọc trước sinh theo hướng dẫn             | Hằng năm     | Trạm Y tế | Cơ sở chuyên môn  | Đạt 70% năm 2030             |
| 7   | 3             | Tư vấn, tổ chức sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn                | Hằng năm     | Trạm Y tế | Cơ sở chuyên môn  | Đạt 90% năm 2030             |
| 8   | 4             | Lập danh sách, quản lý và khám sức khỏe người cao tuổi         | Hằng năm     | Trạm Y tế | Hội NCT, thôn     | Tăng tỷ lệ quản lý           |
| 9   | 4             | Hướng dẫn tự chăm sóc, dinh dưỡng, vận động, phòng ngã         | Hằng năm     | Trạm Y tế | Hội NCT           | Cải thiện chất lượng sống    |
| 10  | 5             | Rà soát người khuyết tật có nhu cầu PHCN cộng đồng             | Hằng năm     | Trạm Y tế | TT DVTH, thôn     | Quản lý đúng đối tượng       |
| 11  | 5             | Hướng dẫn PHCN tại nhà, chuyển tuyến khi cần                   | Thường xuyên | Trạm Y tế | Gia đình          | Tăng tiếp cận dịch vụ        |

**PHỤ LỤC 2.4****DỰ ÁN 4: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC XÃ HỘI CHO NGƯỜI DỄ BỊ TỔN THƯƠNG**

| STT | Tiêu dự án | Nội dung cụ thể                                                                        | Thời gian     | Chủ trì    | Phối hợp             | Kết quả/Sản phẩm        |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|----------------------|-------------------------|
| 1   | 1          | Rà soát người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật, người khó khăn, nhóm dễ bị tổn thương | Hàng năm      | TT DVTH xã | TYT, thôn            | Danh sách quản lý       |
| 2   | 1          | Đánh giá nhu cầu, kết nối dịch vụ y tế và chăm sóc xã hội                              | Thường xuyên  | TT DVTH xã | TYT, đoàn thể        | Đối tượng được tiếp cận |
| 3   | 1          | Tuyên truyền phòng bạo lực, xâm hại, tai nạn thương tích                               | Hàng năm      | TT DVTH xã | Trường học, Công an  | Tăng nhận thức          |
| 4   | 1          | Huy động nguồn lực xã hội hóa hợp pháp hỗ trợ trường hợp khó khăn                      | 2026–2030     | UBND xã    | MTTQ, đoàn thể       | Tăng nguồn lực          |
| 5   | 2          | Phát hiện, tiếp nhận, phối hợp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt                     | Thường xuyên  | TT DVTH xã | TYT, trường học      | Can thiệp kịp thời      |
| 6   | 2          | Hỗ trợ trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai, thảm họa hoặc nguy cơ xâm hại                    | Khi phát sinh | UBND xã    | Đơn vị liên quan     | Hỗ trợ khẩn cấp         |
| 7   | 2          | Truyền thông bảo vệ trẻ em tại cộng đồng và trường học                                 | Hàng năm      | TT DVTH xã | Trường học, đoàn thể | Giảm nguy cơ            |

**PHỤ LỤC 2.5****DỰ ÁN 5: TRUYỀN THÔNG Y TẾ, QUẢN LÝ, THEO DÕI VÀ GIÁM SÁT**

| STT | Tiểu dự án | Nội dung cụ thể                                                           | Thời gian        | Chủ trì      | Phối hợp          | Kết quả/Sản phẩm        |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | 1          | Xây dựng kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe hằng năm                 | Tháng 01         | Trạm Y tế    | UBND xã           | Kế hoạch ban hành       |
| 2   | 1          | Truyền thông tại 10 thôn về phòng bệnh, dinh dưỡng, SKSS, người cao tuổi  | Hàng năm         | Trạm Y tế    | Thôn, đoàn thể    | 10/10 thôn có hoạt động |
| 3   | 1          | Ứng dụng loa truyền thanh, mạng xã hội, nền tảng số                       | Thường xuyên     | UBND xã      | TYT, TT DVTH      | Mở rộng tiếp cận        |
| 4   | 2          | Truyền thông sinh đủ hai con, bình đẳng giới, sàng lọc trước sinh/sơ sinh | Hàng năm         | Trạm Y tế    | TT DVTH, đoàn thể | Nâng nhận thức          |
| 5   | 2          | Truyền thông chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, giảm mất cân bằng GTKS     | Hàng năm         | Trạm Y tế    | Hội NCT           | Cải thiện hành vi       |
| 6   | 3          | Theo dõi tiến độ chỉ tiêu theo năm và từng dự án                          | Quý/năm          | Trạm Y tế    | Các đơn vị        | Bảng theo dõi           |
| 7   | 3          | Kiểm tra, giám sát cộng đồng và đơn vị thực hiện                          | $\geq 1$ lần/năm | UBND xã, TYT | TYT, TT DVTH      | Biên bản/kiến nghị      |
| 8   | 3          | Đánh giá giữa kỳ                                                          | 2028             | UBND xã, TYT | Các đơn vị        | Báo cáo giữa kỳ         |
| 9   | 3          | Rà soát kết quả, chuẩn bị tổng kết                                        | 2029             | UBND xã, TYT | Các đơn vị        | Báo cáo rà soát         |
| 10  | 3          | Tổng kết giai đoạn I, đề xuất giai đoạn 2031–2035                         | 2030             | UBND xã, TYT | Các đơn vị        | Báo cáo tổng kết        |

**PHỤ LỤC 3****PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

| <b>STT</b> | <b>Đơn vị/lực lượng</b>        | <b>Nhiệm vụ chính</b>                                                                                                                                                                           |
|------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | UBND xã, Trạm Y tế             | Chỉ đạo chung; bố trí, huy động nguồn lực; phân công, kiểm tra, tổng kết                                                                                                                        |
| 2          | Trạm Y tế xã                   | Đầu mối chuyên môn; xây dựng kế hoạch năm; tổ chức hoạt động y tế, dân số; tổng hợp báo cáo                                                                                                     |
| 3          | Phòng văn hóa – xã hội         | Phối hợp chỉ đạo, tuyên truyền chính sách chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; phối hợp thực hiện chính sách đối với người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các nhóm dễ bị tổn thương. |
| 4          | Phòng Kinh tế                  | Tham mưu bố trí kinh phí theo khả năng ngân sách; hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí                                                                                       |
| 5          | MTTQ và đoàn thể               | Tuyên truyền, vận động, giám sát cộng đồng, huy động Nhân dân                                                                                                                                   |
| 6          | Công an và ban chỉ huy quân sự | Phối hợp theo chức năng trong bảo đảm an ninh, phòng ngừa vi phạm và xử lý tình huống                                                                                                           |
| 7          | Trường học                     | Phối hợp chăm sóc sức khỏe học đường, dinh dưỡng, phòng chống dịch                                                                                                                              |
| 8          | Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã  | Phối hợp chăm sóc xã hội, truyền thông, rà soát nhóm dễ bị tổn thương, kết nối dịch vụ                                                                                                          |
| 9          | 10 thôn                        | Rà soát đối tượng, thông báo, vận động người dân tham gia                                                                                                                                       |
| 10         | Y tế thôn                      | Tuyên truyền, cập nhật thông tin, theo dõi đối tượng, hỗ trợ triển khai tại cộng đồng                                                                                                           |